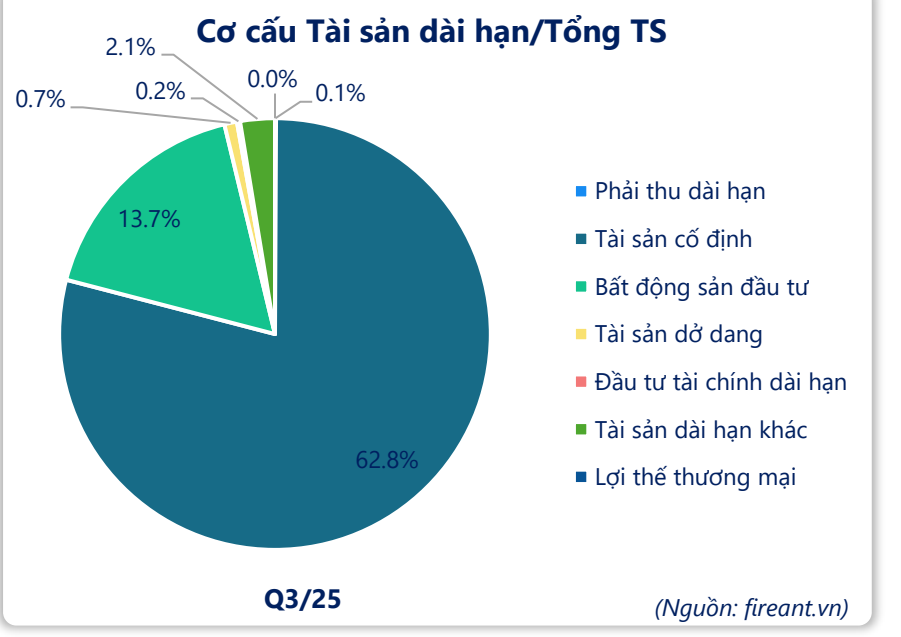
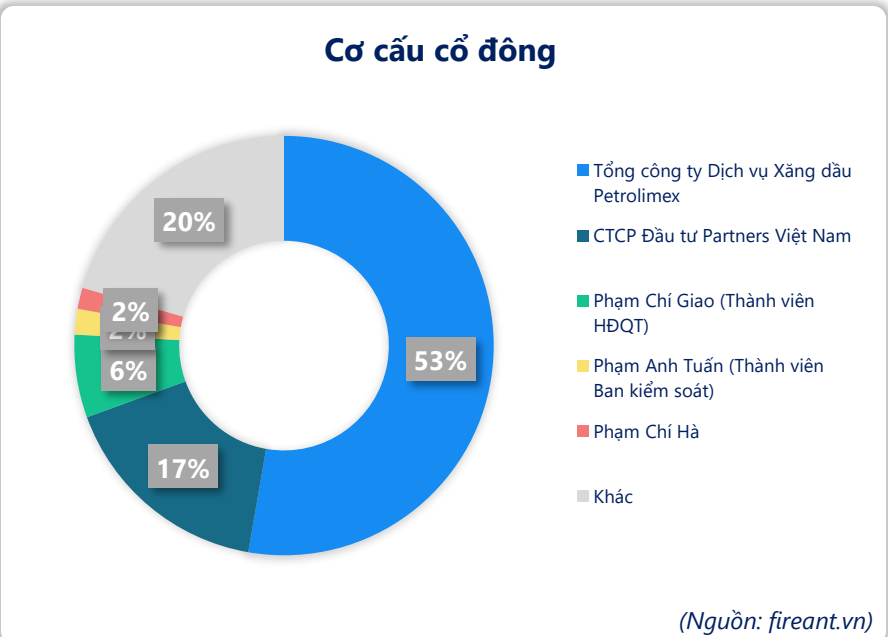
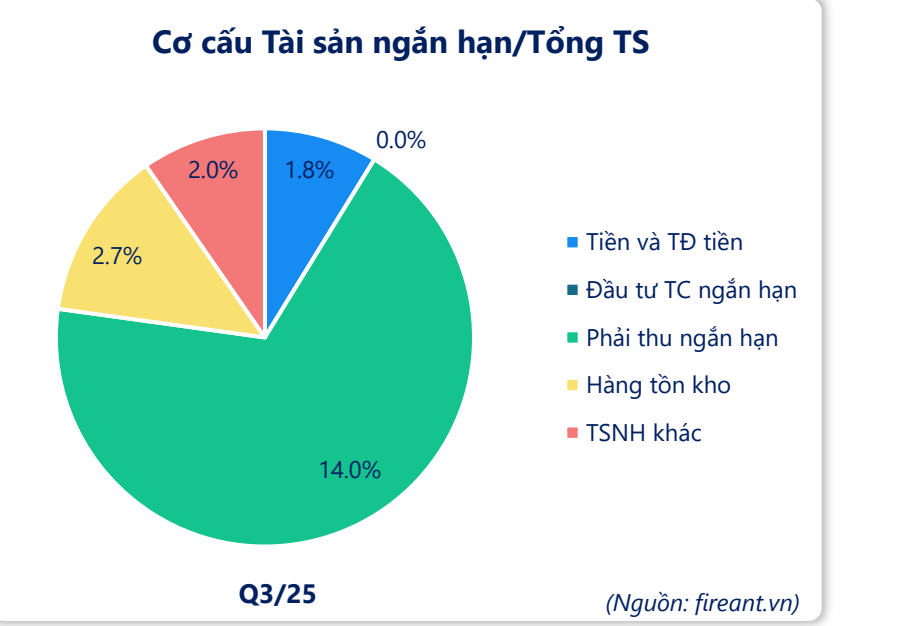
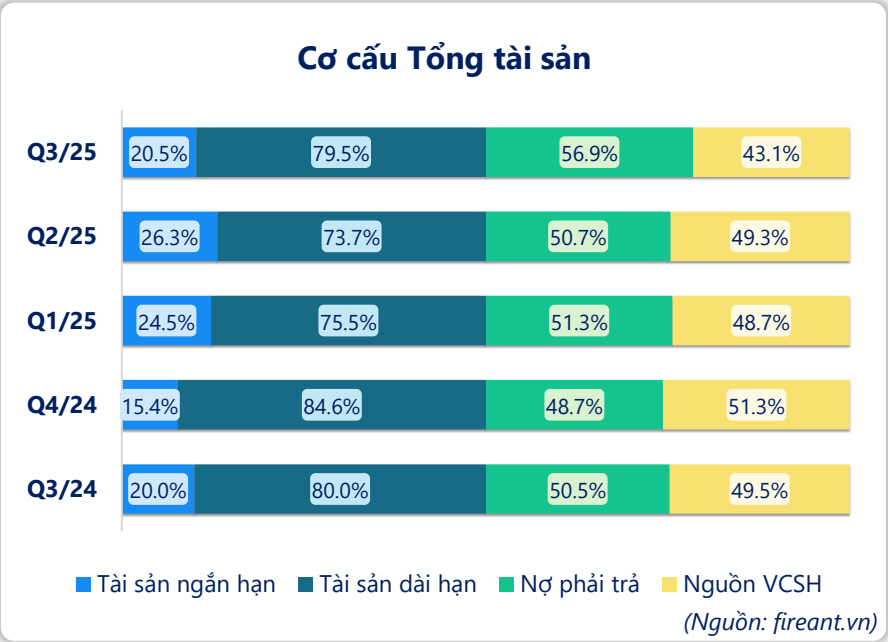
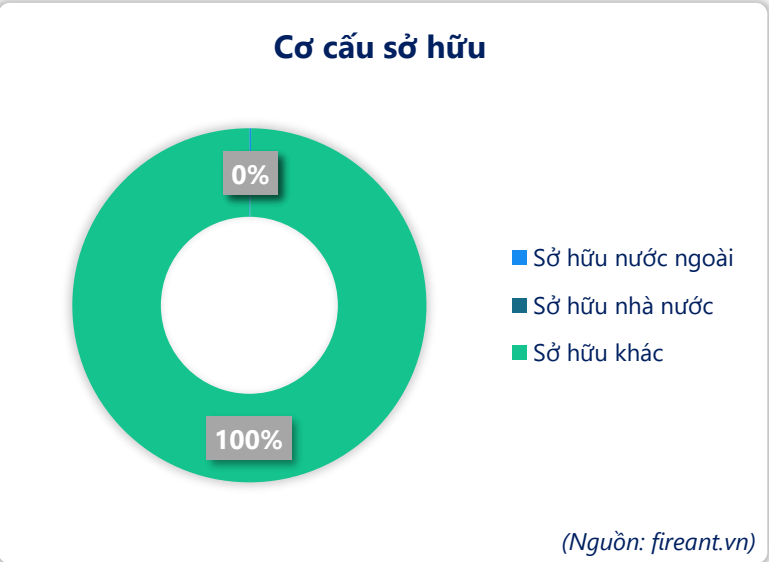
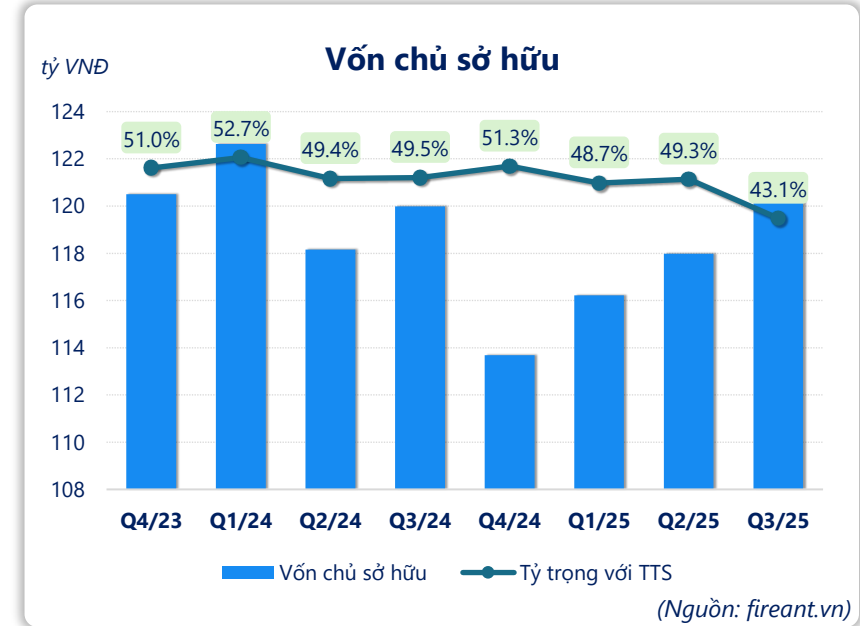
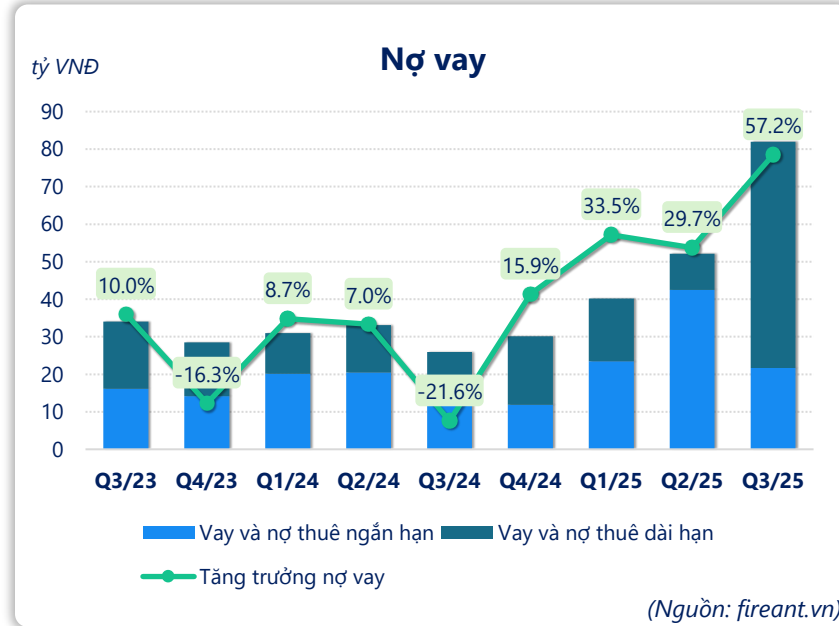
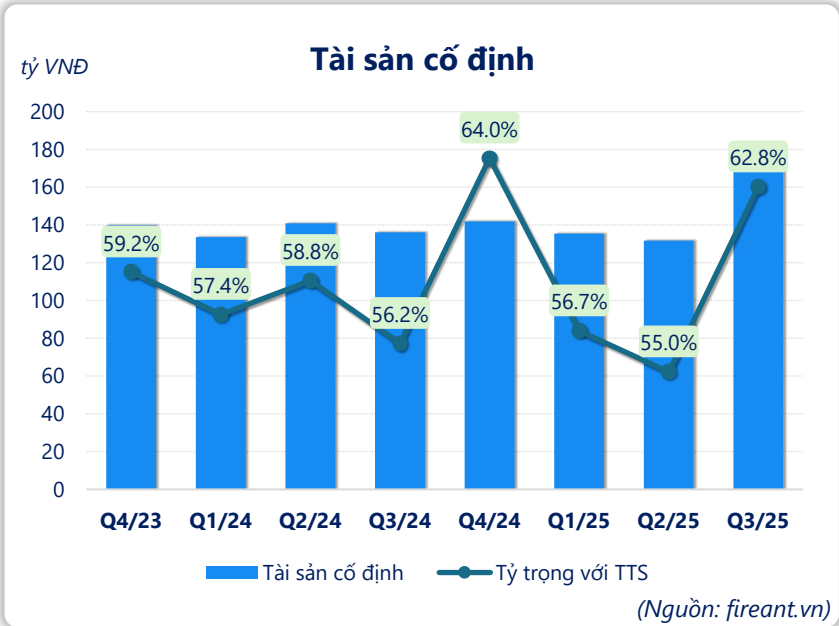
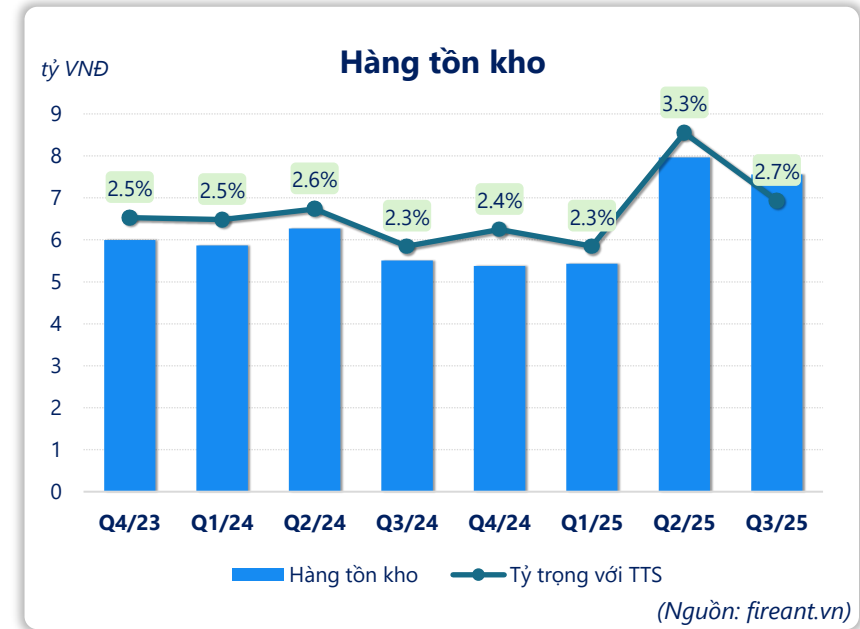
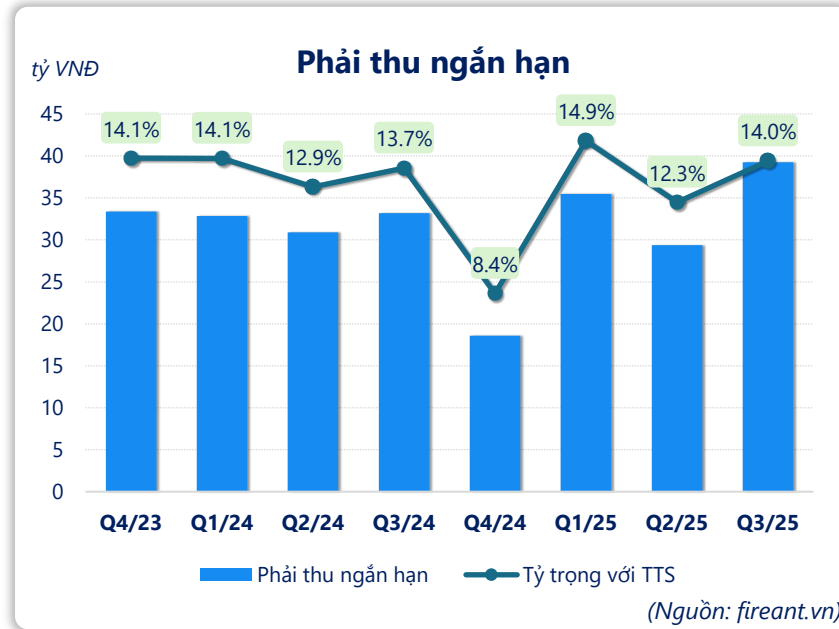
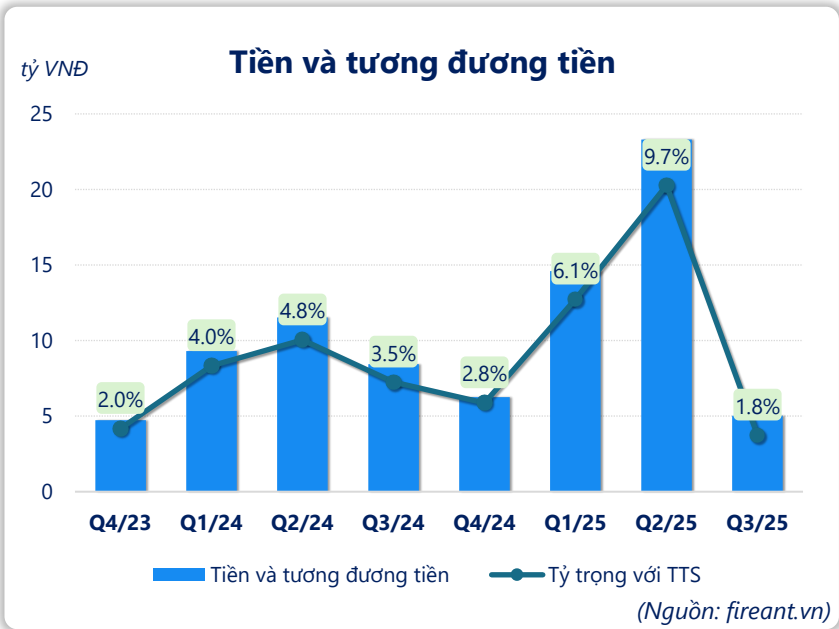
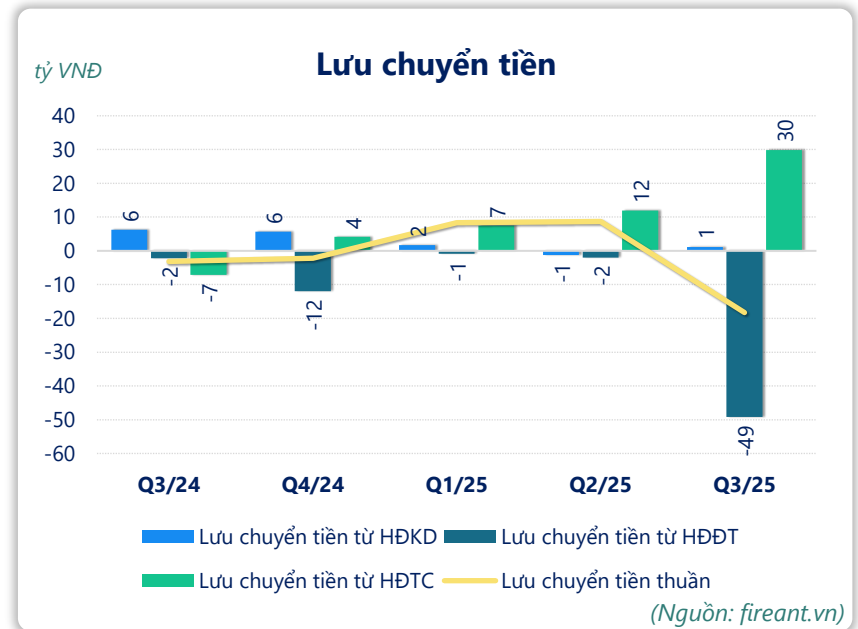
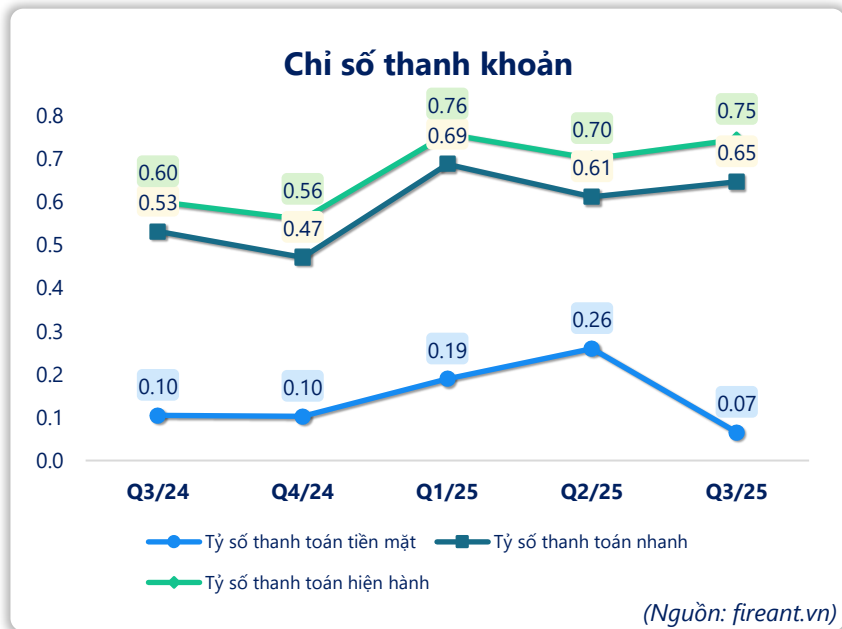
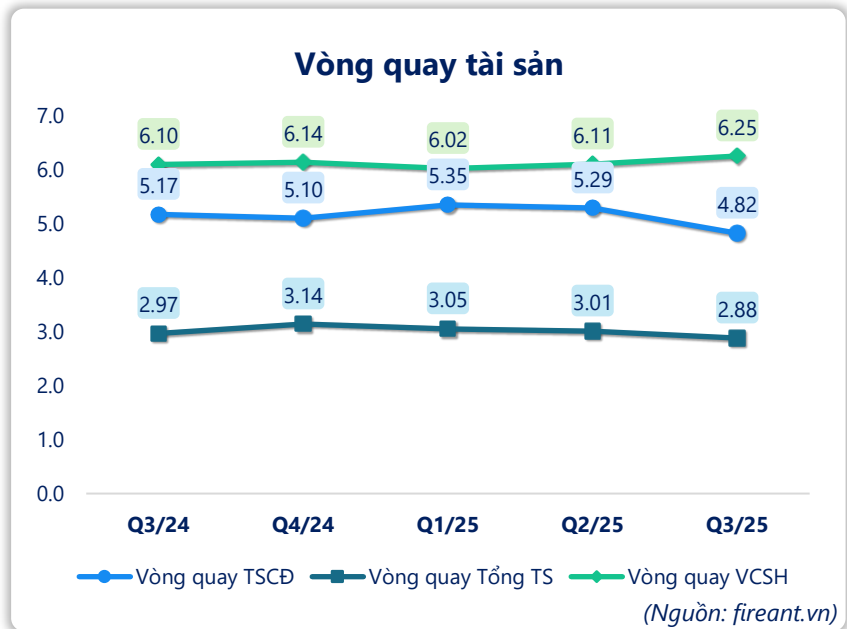
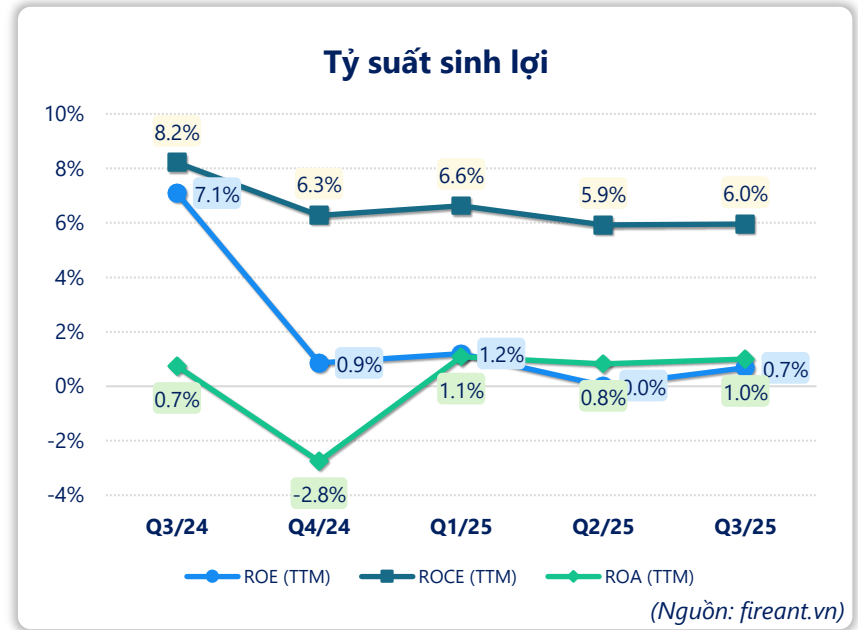
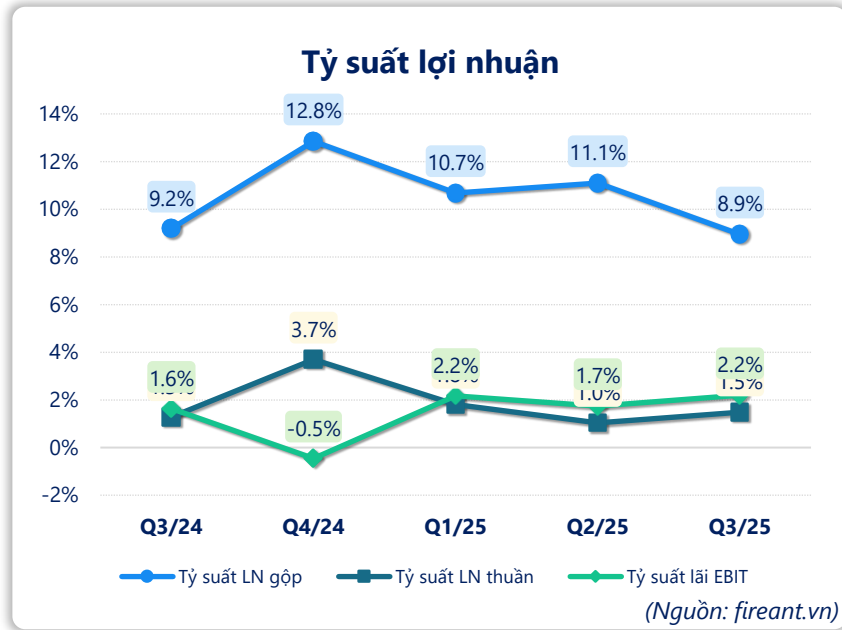
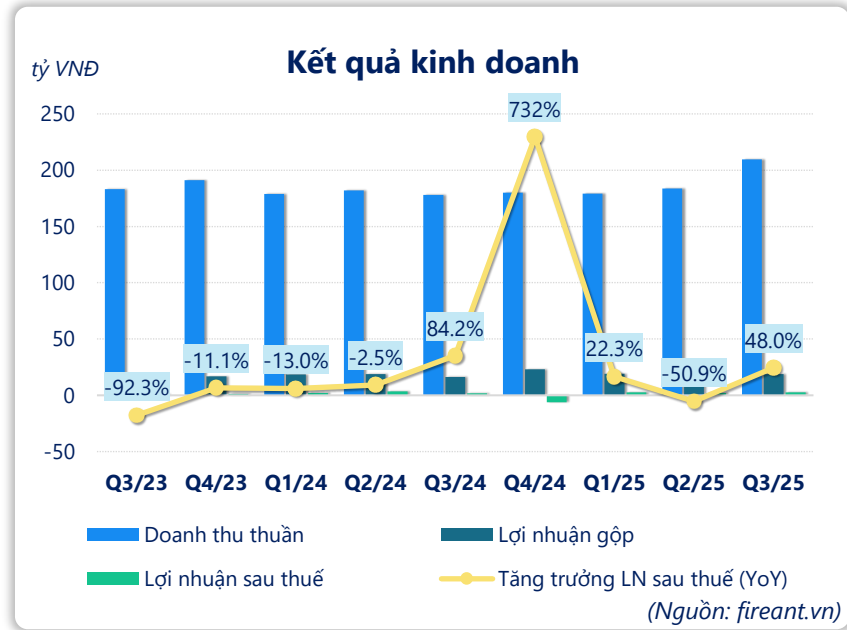


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,900
SL cổ phiếu LH		7,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,060
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		75
P/E		92.1
EPS		113

	YTD	1T	3T	6T
PSC	-14.8%	-1.0%	-6.3%	-11.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	280	221	26.5%
Tài sản ngắn hạn	57.3	34.1	68.0%
Tiền và tương đương tiền	5.03	6.25	-19.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	39.2	18.6	111%
Hàng tồn kho	7.55	5.38	40.5%
Tài sản ngắn hạn khác	5.52	3.91	41.4%
Tài sản dài hạn	223	187	18.9%
Phải thu dài hạn	0.17	0.17	0.0%
Tài sản cố định	176	142	24.0%
Bất động sản đầu tư	38.3	39.7	-3.6%
Tài sản dở dang	2.10	0.31	567%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.52	0.57	-9.1%
Tài sản dài hạn khác	5.78	4.79	20.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	159	108	47.9%
Nợ ngắn hạn	77.0	61.0	26.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.7	11.8	83.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.2	27.3	-22.3%
Nợ dài hạn	82.5	46.8	76.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	60.3	18.3	230%
Nguồn vốn chủ sở hữu	121	114	6.1%
Vốn chủ sở hữu	121	114	6.1%
Vốn điều lệ	72.0	72.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	178	180	179	184	209
Giá vốn hàng bán	162	157	160	163	191
Lợi nhuận gộp	16.4	23.1	19.1	20.4	18.7
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.05	0.01
Chi phí TC	0.62	0.52	0.68	0.93	2.07
Chi phí lãi vay	0.62	0.61	0.68	0.73	1.32
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.25	6.20	7.33	5.98	6.34
Chi phí QLDN	8.22	9.77	7.90	11.6	7.24
LN thuần từ HĐKD	2.28	6.65	3.23	1.90	3.09
Lợi nhuận khác	0.00	-8.08	-0.03	0.56	0.18
LN trước thuế	2.28	-1.43	3.20	2.47	3.28
Lợi nhuận sau thuế	1.82	-6.30	2.55	1.96	2.60
LNST của CĐ cty mẹ	1.82	-6.30	2.55	1.96	2.60

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.20	5.67	1.73	-1.22	1.14
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.16	-12.0	-0.82	-2.03	-49.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.15	4.13	7.44	12.0	29.8
Tiền đầu kỳ	11.5	8.43	6.25	14.6	23.3
Lưu chuyển tiền thuần	-3.11	-2.18	8.35	8.70	-18.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.43	6.25	14.6	23.3	5.03

(Nguồn: fireant.vn)